

TRANH HÀNG TRỐNG

Xưa kia dòng tranh này sản xuất và bày bán tại các phố Hàng Trống, Hàng Nón, Hàng Hòm và Hàng Quạt thuộc tổng Tiều Túc (sau đổi là Thuận Mỹ), huyện Thọ Xương (nay là quận Hoàn Kiếm, Hà Nội), nhưng chủ yếu là ở Hàng Trống (xưa là thôn Tự Tháp). Phường phố này đã từng có tiếng về các ngành nghề thủ công như tranh dân gian, trống tể trống hội, hòm tráp sơn ta, hàng thêu, quạt, nón, cờ phướn, võng lọng v.v, sầm uất quanh năm.

Cùng với các hộ dân cư bản địa lâu đời, cũng có nhiều thợ vẽ và thợ khắc tài hoa từ nơi khác đến đây làm thuê cho các chủ xưởng in tranh. Do buôn bán cạnh tranh, thường in kèm tên hiệu như Thanh An, Vĩnh Lợi, Phúc Bình...



Tranh Hàng Trống - Chợ quê

Khác với tranh Đông Hồ, kỹ thuật tranh Hàng Trống kết hợp đường nét in đen từ bản khắc gỗ, với việc tô màu phẩm bằng tay, dùng bút mềm quét phẩm nước, luôn luôn tạo được những chuyển sắc đậm nhạt tinh tế. Nhờ vậy, màu sắc rất uyển chuyển, đáp ứng đòi hỏi của khách mua tranh nơi kẻ chợ.

Tranh Hàng Trống in trên giấy dó hay giấy báo khổ rộng. Những bộ tứ bình khổ to thường được bồi trên giấy dày, hai đầu trên dưới lồng xuốt trúc để tiện treo.

Cùng với các đề tài phản ánh sinh hoạt thường ngày hay minh họa cổ tích, tranh Hàng Trống nổi trội về thể loại tranh thờ, ảnh hưởng Phật giáo và Đạo giáo, với hình tượng tương đối giản dị mà thể hiện công phu, không bao giờ thiếu sắc thái uy vệ về ý nghĩa.

Việc xuất hiện những tranh Hàng Trống như "Gà đàn", "Tướng Trấn môn" (Canh cửa) tại kinh đô, từ nội phủ cung đình đến nhà thường dân, từng được Hoàng Sĩ Khải, một nhà thơ làm quan thời Mạc (cuối tk.16) nhắc tới. Như vậy, tranh Hàng Trống có lẽ ra đời cùng thời với tranh Đông Hồ, vốn được dòng họ Nguyễn Đăng sản xuất truyền tới hai mươi đời, tức khoảng năm trăm năm.



Công việc nhà nông - Tranh Hàng Trống

Trong số bản khắc tranh Hàng Trống còn giữ lại được, có mấy tấm đặc biệt giá trị, lưu tại Bảo tàng Lịch sử ở Hà Nội dưới ký hiệu I.5484 a.b.c. Những tấm gỗ thị dày dặn này được khắc cả hai mặt, theo đề tài rút từ kinh nhà Phật hay cổ tích Việt Nam, Trung Hoa, kèm cả tuổi tranh "Quý Mùi lục nguyệt khởi Minh Mệnh tứ niên", tức là 1823 dương lịch. Những tấm ván này được khắc cách đây đã ngót hai trăm năm, nên ta có cơ sở tin rằng dòng tranh Hàng Trống xuất hiện còn sớm hơn thế khá nhiều. Một dòng tranh dân gian... Trong ba dòng tranh dân gian tiêu biểu : tranh điệp Đông Hồ (Bắc Ninh), tranh đỏ Kim Hoàng (Hà Tây) và tranh Hàng Trống thì Hàng Trống là trung tâm làm tranh lớn thứ hai, chỉ sau Đông Hồ. Gọi là tranh Hàng Trống bởi "lò" tranh quy tụ ở phố Hàng Trống, Hà Nội. Từ đây "bắt lửa" sang Hàng Nón, Hàng Hòm, Hàng Quạt. Thế nhưng, dường như thời sầm uất nhất đã xa. Nay, nơi đây chỉ còn sót lại duy nhất nghề nhân Lê Đình Nghiễn ở phố Cửa Đông, Hà Nội. Muốn tìm lại tranh Hàng Trống phải đến chốn linh thiêng : đền, miếu, điện thờ, hoặc lục tìm trong các bộ sưu tập của tư nhân và các viện bảo tàng Việt Nam cũng như ở nhiều nước. Bức tranh Ngũ hổ được coi là lớn và hầu như còn giữ được vẻ đẹp thuần khiết của phong cách tranh Hàng Trống, hiện còn ở Chùa làng Kim Liên. Tìm lại bóng dáng tranh xưa

Cả ba dòng tranh dân gian đều sản xuất thủ công, kỹ nghệ cha truyền con nối. Tranh cỡ nhỏ, chủ đề là cuộc sống đời thường, phong tục tập quán : Hứng dừa, Đánh ghen, Tổ nữ, Thả diều, Thạch Sanh, Sơn Tinh- Thủy Tinh... ở dòng tranh Đông Hồ. Tranh cỡ to lại thiên về thể giới thần bí, sắc màu tôn giáo chủ yếu là tranh thờ : Bạch hổ, Hắc hổ, Ngũ hổ, Đức thánh trần, Bà chúa mẫu... trong tranh Hàng Trống. Phải chăng nguyên liệu, phong thủy và tính cách con người của mỗi vùng quyết định tính chất, phong cách của sản phẩm nơi ấy ? Một nhà nghiên cứu nhận xét người làm tranh Hàng Trống có phong cách, quan niệm và phương pháp khác hẳn tranh Đông Hồ và Kim Hoàng. Tranh Đông Hồ dập theo ba công đoạn : vẽ mẫu, khắc ván và in. In viền nét và in màu đều dùng bản khắc gỗ. Riêng tranh đồ Kim Hoàng thêm một khâu thứ năm : in viền nét đen một lần nữa, thật đậm và rõ. Nghệ nhân Lê Đình Nghiên cho biết, tranh Hàng Trống chỉ in nét đen khuôn hình bằng ván khắc, các khâu còn lại đều vờn vẽ bằng tay. Trước hết, nghệ nhân đặt ngửa ván khắc, dùng bàn chải quét đều mực tàu lên mặt ván. Đặt tờ giấy lên mặt ván, dùng xơ mướp xoa đều mặt sau tờ giấy. Bóc giấy ra thì được tờ tranh chưa tô màu. Khi mực in nét khô, dùng bút lông vẽ lần lượt các mảng màu phẳng lên tranh theo bản mẫu. Theo nét vẽ đen viền, người ta vờn thêm một nước màu nhạt, làm nhòa bớt nét, gọi là cấn, khiến khối hình trở lên lưu loát, mặt tranh êm dịu như tranh thủy mặc. Trong tranh Hàng Trống, chỉ có khâu in nét hình là làm hàng loạt. Còn khâu tô vẽ màu thì làm từng tranh, có khi sáng tạo thêm so với mẫu, tùy theo cây bút và khả năng của người vờn tranh. Một số nghệ nhân còn vẽ thẳng khuôn hình và màu sắc. In nét cong, họ dùng bút lông chấm màu để tô lên từng mảng đậm nhạt. Nhiều người không dùng đến bản khắc gỗ. Theo thói quen nhà nghề, cầm bút vẽ trực tiếp đường nét lên giấy, rồi tự tô màu cho tới khi bức tranh hoàn chỉnh. Thậm chí, thợ tranh dòng Hàng Trống đôi khi còn vẽ các bức độc bản theo yêu cầu của khách hàng giàu có. Nét riêng của tranh Hàng Trống chính là uyển chuyển hơn, màu sắc dịu hơn. Khách mua tranh Hàng Trống cũng khác. Họ là thị dân, các phường, đền, đình. Khơi lại một dòng tranh



Tổ nữ - Tranh Hàng Trống

Ông Nghiên tuổi Dần, đời thứ ba của một gia đình vốn có truyền thống làm tranh ở làng Bình Vọng, Thường Tín (Hà Tây), nhưng lập nghiệp ở Hàng Trống. Cụ Lê Xuân Quế, ông nội nghệ nhân khi xưa đã làm nghề tranh. Ông bố cũng tiếp nối nghề. Đến đời ông Nghiên, nhà có bảy anh chị em, độc mình ông theo được nghề. "Nhà nước cũng nhìn xa trông rộng. Năm 1972, Bảo tàng mỹ thuật Việt Nam mời tôi tới chỉ đạo một yêu cầu : phục chế bức tranh Hàng Trống lưu trữ tại bảo tàng". Một mình ông Nghiên sức mấy khơi lại cả một dòng tranh ? "Tranh Hàng Trống khổ quá lớn nuốt nhiều chỗ mà lại rẻ nên ít người buôn tranh, nói gì tới người sưu tầm. Còn nữa, làm ra tranh bây giờ đâu còn có chợ tranh mà bán như trước. Gửi bán khó nên ai đặt thì làm" - ông Nghiên nói. "Nghề nay có tháng đói dài, có tháng làm không hết việc. Nghề thì quý nhưng công sá một trăm nghìn bạc một bức nên sức nghệ thuật còn rẻ rúm quá" - ông cho biết thêm. Trước kia, Xunhasaba tìm đầu ra ở các nước Đông Âu, nhận về nhiều hợp đồng. Người làm tranh hứng khởi, trau chuốt nghề và được dịp truyền nghề. Ông Nghiên có hai con trai nhưng theo ông "chưa có cậu nào thích nghề, có lẽ vì kinh tế". Nay thì số phận tranh dân gian, số phận của các làng nghề truyền thống, nói rộng ra công nghệ truyền thống vẫn đang bị kinh tế thị trường thách thức... Làm thế nào để tranh Hàng Trống không chỉ có vị trí trong bảo tàng, không chỉ được giới nghiên cứu mỹ thuật và nghệ sỹ đánh giá cao, mà người bình dân cũng được thưởng thức, tham gia gìn giữ cho con cháu ? Không thể đợi thẩm mỹ của công chúng lên theo mức sống... Nhiều người nói nên mở lớp truyền nghề duy trì mạch nguồn cho tranh Hàng Trống ở ngay trong Bảo tàng Mỹ thuật. Trời xanh, giấy trắng, mực đen vẫn đồ bóng. Và Lê Đình Nghiên vẫn đang tô tranh Lý Ngư Vọng Nguyệt... Nguyễn Duy Cách - Nghiêm Quý Hào

(theo Thời báo Kinh tế Việt Nam)